

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 248/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 9 - 2024
“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 456/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc “xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Lâm Thiện R**. Sinh năm: 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

-Bị đơn: Ông **Trần Văn K**. Sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh **Trần Văn K** tự nguyện chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 131/2010 ngày 10/12/2010. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, anh **R** không lo lắng cho chị. Chị nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên xin ly hôn với anh **K**.

- Về con chung: Chị xác định trong thời gian chung sống chị và anh **K** không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai cũng không ai nợ lại vợ chồng.

Đối với anh **Trần Văn K** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử. Tuy nhiên, anh **K** vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến gởi Tòa án về các vấn đề chị **R** yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **Lâm Thiện R** xin ly hôn với anh **Trần Văn K** được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại **thành phố C** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn anh **Trần Văn K** vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị **Lâm Thiện R** có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị **R** về việc xin ly hôn với anh **Trần Văn K**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau** nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xuất phát từ những mâu thuẫn trong đời sống gia đình hàng ngày những anh chị không thể hàn gắn được. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 16/8/2024 chị **R** cho rằng hiện tại vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nữa nên xin ly hôn với anh **K**. Đối với anh **K** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề anh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh về các vấn đề chị **R** yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gởi Tòa án. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **R** cho chị được ly hôn với anh **K**.

[4] Về con chung: Chị **R** xác định quá trình chung sống chị và anh **K** không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lâm Thiện R** về việc xin ly hôn với anh **Trần Văn K**.

2/ Về con chung: Không có nên không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Lâm Thiện R** phải chịu 300.000 đồng. Ngày 31/7/2024 chị **R** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0009159 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ú

